

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2017/HSST
Ngày 27/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Vũ.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Nguyễn Hữu Phúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trần Minh Châu- Thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:* ông Lê Văn Phúc- Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2017/HSST ngày 12/9/2017 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1996.

- Tên gọi khác: không.

- Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Nghề nghiệp: làm thuê.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không.

- Trình độ học vấn: 9/12.

- Cha: Nguyễn Văn S, sinh năm 1956 (chết).

- Mẹ: Trần Thị M, sinh năm 1961.

- Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là người nhỏ nhất.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Trịnh Văn M, sinh năm 1985;

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1969;

2. Anh Trần Quốc T, sinh năm 1999;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1996;

4. Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1995;

5. Bà Trần Thị M, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã Phú T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Anh Phạm Hoàng T, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo, anh M, chị L, bà Y, bà M và chị T có mặt tại phiên tòa.

Anh T, anh P, anh H, anh T vắng mặt không có lý do.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 25/01/2017, Nguyễn Văn N chở Phạm Thị Ngọc T đến nhà ông H ngụ ấp P, xã P, huyện T uống rượu cùng với Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Phước H, Hứa Hùng A, R và N (con ông H). Trong lúc uống rượu, N nhìn thấy Nguyễn Chiềk K chạy xe mô tô ngang, nẹt pô nên N ra đường kêu nói chuyện nhưng K chạy đi luôn.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, N chở T đi về ngang quán nước của Nguyễn Thị Mỹ L, thuộc ấp P, xã P, nhìn thấy K nên dừng xe lại hỏi vụ nẹt pô, cả hai nói chuyện và K xin lỗi. Trần Quốc T là bạn của K, đang ở trong quán của Mỹ L nói lời lẽ khiêu khích đánh nhau nên N chỉ tay vào mặt T. Lúc này, Trịnh Văn M (chồng Mỹ L) ở trong quán chạy ra, dùng lời lẽ xúc phạm và dùng tay phải đánh trúng vào mặt N 01 cái, tiếp tục T, Phạm Hoàng T dùng tay đánh N, riêng Mỹ L cầm nón bảo hiểm đánh N. N lấy con dao bấm trong túi quần ra, chém trúng anh M ở vị trí từ cánh mũi trái đến cằm phải, chém trúng chị Mỹ L khuỷu tay trái và anh T ở tay trái. Sau khi chém anh M, chị L và anh T thì N cùng các bạn bỏ chạy, Mỹ L nắm áo N và H đánh nhau tiếp, riêng T đánh nhau với bà Nguyễn Thị Y (mẹ ruột Mỹ L), P đánh nhau với T bằng tay. Sau đó được mọi người can ngăn.

Về vật chứng: Trên đường về nhà Nguyễn Văn N làm rách mất con dao, hiện cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Căn cứ kết luận giám định pháp y về thương tích số 74/TGT-TTPY ngày 16/3/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Tháp, đối với Trịnh Văn M, kết luận: Sẹo vết thương phần mềm cánh mũi trái đến cằm phải, lành xấu ảnh hưởng đến thẩm mỹ. Tổn thương trên do vật có cạnh sắc nhọn gây ra. Tỷ lệ thương tật là 12% tại thời điểm giám định.

- Căn cứ kết luận giám định pháp y về thương tích số: 75/TGT-TTPY ngày 16/3/2017 của Trung tâm pháp y, Sở y tế Đồng Tháp, đối với Nguyễn Thị Mỹ L, kết luận: sẹo vết thương phần mềm khuỷu tay trái do vật có cạnh sắc bén tác động

gây nên, tỷ lệ thương tật 02% tại thời điểm giám định.

Quá trình điều tra, N khai nhận: Do bị anh M, chị Mỹ L và anh T đánh nên dùng dao bấm quơ gây thương tích cho anh M ở vùng mũi và cằm, anh T ở tay trái, còn thương tích của Mỹ L không biết có phải quơ trúng không, mục đích để chạy thoát.

Đối với thương tích của Nguyễn Văn N do anh M và chị Mỹ L đánh, N không yêu cầu xử lý, không yêu cầu bồi thường tiền điều trị và từ chối giám định nên không xem xét.

Đối với anh T, bị thương tích ở bả vai trái do P gây ra, anh T bị thương ở tay trái do Nguyễn Văn N gây ra nhưng cả hai từ chối giám định và không yêu cầu xử lý hình sự. Anh T đồng ý nhận bồi thường 8.000.000 đồng từ phía gia đình Nguyễn Văn N.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trịnh Văn M yêu cầu Nguyễn Văn N bồi thường chi phí tiền thuốc, ăn uống, tiền công lao động, tổn thất tinh thần và các khoản phí khác tổng cộng là 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Mỹ L yêu cầu Nguyễn Văn N bồi thường chi phí tiền thuốc, ăn uống, tiền công lao động, tổn thất tinh thần và các khoản phí khác tổng cộng là 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng), nhưng cả 2 không cung cấp chứng từ điều trị bệnh và các chứng từ khác theo yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Y yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất trong khoảng thời gian 2 tháng chăm sóc anh M và chị Mỹ L điều trị bệnh tại nhà, tổng cộng 11.400.000đ (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Riêng bà Y khai nhận đánh nhau với T không gây thương tích và T nắm cổ áo làm rách mất 01 chiếc bông tai và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng tổng cộng 3,5 chỉ X 2.100.000 đồng/1 chỉ = 7.350.000 đồng. Yêu cầu chị Phạm Thị Ngọc T bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2, Điều 104 Bộ luật Hình sự.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã thừa nhận hành vi gây thương tích cho anh M và chị Mỹ L theo như nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều khoản luật đã nêu, đồng thời phân tích một số tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do anh Trịnh Văn M và chị Nguyễn Thị Mỹ L không cung cấp được các hóa đơn, chứng từ điều trị bệnh và các yêu cầu liên quan đến

việc bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584; 586 và 590 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu của anh M và chị L, buộc bị cáo N bồi thường như sau:

Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mỹ L chi phí điều trị thương tật 14 ngày tổng cộng: 2.150.268đ, tiền công lao động: 14 ngày X 180.000đ/ ngày = 2.520.000đ, tổn thất tinh thần 02 tháng X 1.300.000đ/ tháng = 2.600.000đ. Tổng cộng 3 khoản: 7.270.268đ (Bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng).

Bồi thường cho Trịnh Văn M, chi phí điều trị thương tật 07 ngày tổng cộng: 852.688đ, tiền công lao động: 07 ngày X 180.000đ/ ngày = 1.260.000đ, tổn thất tinh thần 03 tháng X 1.300.000đ/tháng = 3.900.000đ. Tổng cộng 3 khoản: 6.012.688đ (Sáu triệu không trăm mười hai nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Y yêu cầu bị cáo N bồi thường 2 tháng chăm sóc M và Mỹ L điều trị bệnh tại nhà, tổng cộng 11.400.000đ (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đối với yêu cầu chị T bồi thường 01 chiếc bông tai và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng tổng cộng 3,5 chỉ X 2.100.000 đồng/1 chỉ = 7.350.000 đồng, đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác.

Xét lời khai nhận của bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, về thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, đã có đủ cơ sở để chứng minh rằng: Vào khoảng 22 giờ ngày 25/01/2017, sau khi uống rượu tại nhà của ông H xong, bị cáo chở Phạm Thị Ngọc T đi về nhà, trên đường về ngang quán nước của Nguyễn Thị Mỹ L, thuộc ấp P, xã P, bị cáo nhìn thấy Nguyễn Chiếu K nên dừng xe lại hỏi vụ chạy xe nẹt pô. Lúc này, Trần Quốc T là bạn của K đang ở trong quán của Mỹ L nói lời lẽ khiêu khích đánh nhau, nên bị cáo chỉ tay vào mặt T. Lúc này, Trịnh Văn M (chồng Mỹ L) ở trong quán chạy ra dùng lời lẽ xúc phạm và dùng tay phải đánh trúng vào mặt bị cáo 01 cái, tiếp tục Trần Quốc T, Phạm Hoàng T dùng tay đánh bị cáo, riêng Mỹ L cầm nón bảo hiểm đánh bị cáo. Do bị vây đánh, bị cáo lấy con dao bấm trong túi quần ra chém trúng anh M 1 cái từ cánh mũi trái đến cằm phải, chém trúng chị Mỹ L 1 cái ở khuỷu tay trái và T ở tay trái thì bị cáo bỏ chạy, sau đó được mọi người can ngăn và đưa anh M và chị Mỹ L đi cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 74/TGT-TTPY ngày 16/3/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp, kết luận: anh Trịnh Văn M sẹo vết thương phần mềm cánh mũi trái đến cằm phải, lành xấu ảnh hưởng đến thẩm mỹ, tỷ lệ thương tật là 12% tại thời điểm giám định.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 75/TGT-TTPY ngày 16/3/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp, kết luận: chị Nguyễn Thị Mỹ L, sẹo vết thương phần mềm khuỷu tay trái do vật có cạnh sắc bén tác động gây nên, tỷ lệ thương tật 02% tại thời điểm giám định.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của anh M và chị L một cách trái pháp luật.

Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự quy định như sau:

Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

- a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;
- b).....
- c) Phạm tội đối với nhiều người;

2. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Việc bị cáo gây thương tích cho anh M và chị L có tổng tỷ lệ thương tật là 14%, nhưng bị cáo dùng con dao là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho anh M và chị L là hành vi dùng hung khí nguy hiểm và gây nguy hại cho nhiều người, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo khoản 2 Điều 104, Bộ luật hình sự là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đang ra sức vận động nhân dân xây dựng những khóm, ấp văn hóa, dùng nhiều biện pháp như giáo dục, tuyên truyền..... nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, tạo mối quan hệ hoà thuận, thân thiện cho mọi người trong khu vực, cũng như giữa người dân với người dân nơi mà họ sinh sống. Bên cạnh đó cũng cương quyết đấu tranh, bài trừ các tệ nạn xã hội, có tác dụng tiêu cực đối với đời sống của nhân dân như: Cố ý gây thương tích, gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây rối trật tự an ở địa phương Bản thân bị cáo có khả năng nhận thức được điều này, nhưng do bản tính hung hăng, côn đồ, bất chấp pháp luật chỉ vì mâu thuẫn nhỏ với anh K, vì cho rằng anh K chạy xe không đăng hoàng mà bị cáo gây sự, đánh nhau vợ chồng anh M và dùng con dao là hung khí nguy hiểm, chém vào vùng mũi của anh M và tay của chị L, gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 14%. Hiện nay nạn xem thường pháp luật, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ. v.v.. đang nảy sinh trong một số phần tử ngan tàn, hung hãn ..., do đó các hành vi này phải được trừng trị nghiêm khắc, nhằm răn đe, giáo dục, cảnh tỉnh cho những phần tử có ý định thực hiện tội phạm như bị cáo. Do đó, nghĩ nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi gây thương tích đã tự nguyện bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho bị hại và trong vụ án này các bị hại cũng có phần lỗi là đánh bị cáo trước nên cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo là phù hợp với điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh M yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tật 07 ngày tổng cộng: 852.688đ, tiền công lao động: 07 ngày X 180.000đ/ngày = 1.260.000đ, tổn thất tinh thần 03 tháng X 1.300.000đ/ tháng = 3.900.000 đồng. Tổng cộng là 6.012.688 đồng. Chị L yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tật 14 ngày tổng cộng: 2.150.268đ, tiền công lao động: 14 ngày X 180.000đ/ ngày = 2.520.000đ, tổn thất tinh thần 02 tháng X 1.300.000đ/ tháng = 2.600.000 đồng. Tổng cộng 3 khoản: 7.270.268 đồng, bị cáo thống nhất bồi thường cho anh M và chị L số tiền trên, xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo, phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Hiện nay bị cáo và bà M (mẹ bị cáo) đã nộp khắc phục phần trách nhiệm dân sự cho anh M là 3.000.000đ và chị L là 4.500.000đ nên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho anh M là 3.012.699đ và buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại cho chị L là 2.770.268đ.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Y rút lại yêu cầu, không yêu cầu bị cáo bồi thường 2 tháng chăm sóc anh M và chị Mỹ L điều trị bệnh tại nhà, tổng cộng 11.400.000đ (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng), xét thấy việc rút lại yêu cầu trên là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu chị T bồi thường 01 chiếc bông tai và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng tổng cộng 3,5 chỉ X 2.100.000 đồng/1 chỉ = 7.350.000 đồng, tại phiên tòa, bà Y thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chung trong vụ án này, mà sau này nếu có yêu cầu bà sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác, xét thấy yêu cầu của bà Y phù hợp với quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 tuyên xử:

1/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2/ Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mỹ L, chi phí điều trị thương tật, tiền công lao động, tiền tổn thất tinh thần là 2.770.268đ (Hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng).

3/ Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho anh Trịnh Văn M, chi phí

điều trị thương tật, tiền công lao động, tiền tổn thất tinh thần là 3.012.688đ (Ba triệu không trăm mười hai nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Trịnh Văn M được đến Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Nông nhận số tiền mà bị cáo và bà Trần Thị M nộp khắc phục phần trách nhiệm dân sự là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), theo biên lai thu tiền số 013879 ngày 14/9/2017 và biên lai thu tiền số 010273 ngày 26/9/2017.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L được đến Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Nông nhận số tiền mà bị cáo và bà Trần Thị M nộp khắc phục phần trách nhiệm dân sự là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 013878 ngày 14/9/2017 và biên lai thu tiền số 010274 ngày 27/9/2017.

4/ Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- CA huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng,;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hoàng Vũ